

Bản án số: 294/2024/DS - PT

Ngày: 19/9/2024

V/v: “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 156/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1732/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1931; nơi cư trú: **Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T**: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1962; nơi cư trú: **Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị**. (Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2024). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T**: Luật sư **Trần Đức A** - Văn phòng luật sư **T2** và **Cộng S**, địa chỉ: **Số E L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

2. Bị đơn: **Văn phòng C**; địa chỉ: **Đường T, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị**; địa chỉ: **Đường H, thành phố Đ,**

tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị T4, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 1975, bà T khai hoang một thửa đất tại thôn N, xã V, huyện V và cùng sinh sống với con cháu trên thửa đất này. Khi các con lớn lên và ra ở riêng thì bà T và con trai út Nguyễn Văn T3, con dâu Lê Thị T4, các cháu Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị L (con ông T3, bà T4) cùng sinh sống trên thửa đất. Ngày 15/12/1998 hộ bà T được UBND huyện V công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 381/1, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.400 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N92350 ngày 15/12/1998.

Ngày 16/4/2003 hộ bà T được UBND huyện V cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 381/1, tờ bản đồ số 38, diện tích 675 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X907117 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T3.

Năm 2022, theo chủ trương của Nhà nước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ đỏ sang sổ hồng). Lợi dụng việc bà T tuổi cao, không biết chữ nên con trai út là Nguyễn Văn T3 đưa người của Văn phòng công chứng huyện C đến yêu cầu bà T ký vào văn bản cam kết tài sản là quyền sử dụng đất nói trên là của ông T3, bà T4. Do bà T không biết chữ nên không ký được; vì vậy người của phòng C1 yêu cầu bà T điểm chỉ vào bản cam kết tài sản và bà T không biết trong văn bản cam kết có nội dung gì. Tuy nhiên, căn cứ bản cam kết này mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 là trái pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ thì bà T là người không đọc được, không ký được nên khi tham gia giao dịch phải có hai người làm chứng. Tuy nhiên, Văn phòng C thực hiện việc chứng thực văn bản này là trái pháp luật nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Tuyên bố Văn bản cam kết về tài sản vào sổ Công chứng số 7666, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 của Văn phòng Công chứng huyện C vô hiệu.

+ Huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/11/2022 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4.

+ Phục hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn

T3, số X907117 ngày 16/4/2003 của UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Văn phòng C trình bày:

Ngày 19/9/2022, bà Nguyễn Thị T và hai người cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị L đến phòng C1 đề nghị công chứng bản cam kết về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 907117 ngày 16/4/2003 với diện tích 675 m² (có 200 m² đất ở và 475 m² đất vườn), thuộc thửa đất số 381/1, tờ bản đồ số 38, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị là tài sản riêng của ông T3, bà T4. Trong quá trình giải quyết hồ sơ, Công chứng viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục công chứng bản cam kết về tài sản. Theo đó, trước khi công chứng, công chứng viên đã giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý phát sinh từ văn bản công chứng; văn bản công chứng không có bất cứ sự vi phạm nào về tính tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, do đó đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị có ý kiến tại Công văn số 58/STNMT-TTr ngày 05/01/2024:

Hộ ông Nguyễn Văn T3 sử dụng đất đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 907117 ngày 16/4/2003 với diện tích 675 m² (có 200 m² đất ở và 475 m² đất vườn), thuộc thửa đất số 381/1, tờ bản đồ số 38, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 04/10/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C nhận được hồ sơ đăng ký biến động do thay đổi tên người sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Văn T3 thành ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 theo văn bản cam kết tài sản đã được Văn phòng công chứng chứng nhận ngày 19/9/2022.

Quá trình giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã thẩm định hồ sơ đủ điều kiện, trình Văn phòng đất đai tỉnh Quảng Trị (được Sở T uỷ quyền) ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 ngày 11/11/2022 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4, với diện tích 675 m² (có 200 m² đất ở và 475 m² đất vườn), thuộc thửa đất số 381/1, tờ bản đồ số 38, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T4 trình bày: Vợ chồng bà T4, ông T3 kết hôn năm 1993 và từ đó đến nay gia đình sống chung và rất hoà thuận với bà Nguyễn Thị T (mẹ ông T3) tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vì là con trai út nên các anh chị em đồng ý để vợ chồng bà T4 chăm sóc mẹ và thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhà và đất đang sinh sống.

Năm 2003, bà T đã đồng ý chuyển cho vợ chồng bà T4 đứng tên quyền sử dụng đất nên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T3.

Năm 2022, Nhà nước có chủ trương chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ đỏ sang sổ hồng), vợ chồng bà T4 có bàn bạc với bà T và các con của bà T4, ông T3 và tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý tự nguyện đến Văn phòng C ký tên, điểm chỉ, chứng thực để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

(sổ hồng) cho ông Nguyễn Văn T3, bà Lê Thị T4. Như vậy, thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 19/9/2022 anh N cùng bà nội Nguyễn Thị T, bố Nguyễn Văn T3, mẹ Lê Thị T4 và chị Nguyễn Thị L đến Văn phòng C để chứng thực việc chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ sổ đỏ sang sổ hồng, khi đến Văn phòng C hoàn thành các thủ tục giấy tờ, anh N đã chứng kiến Công chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung có trong văn bản cam kết cho bà T và các thành viên trong gia đình và nhất trí điểm chỉ, ký vào văn bản cam kết, lúc này bà T hoàn toàn minh mẫn, đi lại bình thường, không hề bị ép buộc hay bất kỳ tác động nào đối với bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 19/9/2022, chị L cùng bà nội Nguyễn Thị T, bố Nguyễn Văn T3, mẹ Lê Thị T4 và em ruột Nguyễn Văn N đến Văn phòng C để chứng thực việc chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ sổ đỏ sang sổ hồng, khi Văn phòng C hoàn thành các thủ tục giấy tờ, chị L đã chứng kiến Công chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung có trong văn bản cam kết cho bà T và các thành viên trong gia đình và nhất trí điểm chỉ, ký vào văn bản cam kết, lúc này bà T hoàn toàn minh mẫn, đi lại bình thường, không hề bị ép buộc hay bất kỳ tác động nào đối với bà T.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm k khoản 1 Điều 99, Điều 105 Luật đất đai; Điều 47, Điều 48 Luật Công chứng; Điều 117 Bộ luật dân sự, xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản cam kết về tài sản vào sổ Công chứng số 7666, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 của Văn phòng C vô hiệu và đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/11/2022 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4; phục hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X907117 do UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/4/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T3.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1 và giữ nguyên bản án

sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[3] Về hiệu lực của Văn bản cam kết về tài sản: Tại Văn bản cam kết về tài sản số công chứng 7666, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Văn phòng C thể hiện nội dung mà bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N cam kết như sau: “Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 907117 ngày 16/4/2003 với diện tích 675 m² (có 200 m² đất ở và 475 m² đất vườn), thuộc thửa đất số 381/1, tờ bản đồ số 38, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị là tài sản riêng của ông T3, bà T4. Các bên cam kết về tài sản không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ về tài sản nào; sẽ bị vô hiệu nếu xác định cam kết nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản; các bên cam kết hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; các bên tự nguyện lập văn bản này; tại thời điểm ký, điểm chỉ, các bên có năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký, điểm chỉ vào từng trang; chữ ký và điểm chỉ là chữ ký và điểm chỉ của người có tên trong bản cam kết”.

Tại đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 06/7/2023 (thụ lý lần đầu vào ngày 16/3/2023), bà T trình bày như sau: “Văn bản công chứng do Văn phòng C lập ngày 19/9/2022 về việc “Văn bản cam kết về tài sản” do tôi tự nguyện điểm chỉ, mặc dù không có người làm chứng nhưng tại buổi công chứng tôi đã nghe hai đứa cháu nội tôi là Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn N chứng kiến và nói lại cho tôi nghe toàn bộ nội dung tại thời điểm công chứng. Ngoài ra, công chứng viên cũng đã đọc lại nội dung công chứng cho tôi nghe rõ ràng, đầy đủ. Nay, tôi đã nhận thức được và hoàn toàn đồng ý với nội dung Văn bản công chứng nói trên, không khiếu nại, khiếu kiện gì nữa; văn bản công chứng trên đã có hiệu lực”. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà T đã được nghe đọc lại, hiểu được nội dung của Văn bản cam kết về tài sản và tự nguyện điểm chỉ vào Văn bản cam kết. Văn bản cam kết về tài sản không thuộc trường hợp phải có hai người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng và hướng dẫn tại Công văn số 395/BTTP-CC ngày 03/10/2017 của Bộ Tư pháp. Vì thế, Văn bản cam kết về tài sản số công chứng 7666, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Văn phòng C có hiệu lực theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Dân sự.

[4] Do văn bản cam kết về tài sản số công chứng 7666, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Văn phòng C có hiệu lực, không bị vô hiệu nên về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 ngày 11/11/2022: Năm 2022, ông Nguyễn Văn T3 làm các thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Văn T3

sang ông Nguyễn Văn T3, bà Lê Thị T4. Hộ ông Nguyễn Văn T3 có 05 thành viên gồm: Ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị T4, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N. Do bà T, anh N, chị L xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 theo Văn bản cam kết về tài sản đã công chứng số 7666 quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Văn phòng C nên Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại điểm k khoản 1 Điều 99, Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 37, Điều 84 Nghị định 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTNMT ngày 19/5/2024 của Bộ T5.

[5] Từ các nhận định như trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 99, Điều 105 Luật đất đai; Điều 47, Điều 48 Luật Công chứng; Điều 117 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản cam kết về tài sản vào sổ Công chứng số 7666, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 của Văn phòng C vô hiệu; đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 046126 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/11/2022 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T4; phục hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X907117 do UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/4/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T3.

2. Về án phí: Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0000118 ngày 17/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không bị kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tôn